|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày | 24/04/2023 |
| 15/04/2023 | Tiết | 3 |
| Lớp | 9D |

 ***Tuần 33 - Tiết 65:***

**ÔN TẬP CHƯƠNG IV(TT)**

**I. MỤC TIÊU**

***1- Kiến thức, kĩ năng:*** Sau khi học xong bài này, học sinh:

***a. Kiến thức:***

HS nắm vững các tính chất và dạng của đồ thị hàm số y = ax2 ( a≠ 0)

***b. Kĩ năng:***

+ HS giải thông thạo phương trình bậc hai các dạng ax2+bx+c=0; ax2+bx=0;ax2+c=0 và vận dụng tốt công thức nghiệm trong cả hai trường hợp Δ và Δ' .

+HS nhớ kĩ hệ thức Vi-ét và vận dụng tốt để tính nhẩm nghiệm phương trình bậc hai và tìm hai số biết tổng và tích của chúng .

+HS có kĩ năng thành thạo trong việc giải bài toán bằng cách lập phương trình đối với những bài toán đơn giản

***2- Định hướng phát triển phẩn chất và năng lực học sinh:***

***a. Các phẩm chất:***

- Trung thực, tự trọng, chí công vô tư

- Tự lập, tự tin, tự chủ và có tinh thần vượt khó

- Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học, năng lực tư duy linh hoạt, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực thu thập, chế biến thông tin toán học

- Năng lực lưu trữ thông tin toán học

- Năng lực vận dụng toán học vào giải quyết vấn đề

**II. CHUẨN BỊ :**

 ***1. Chuẩn bị của thầy:***

 *- Đồ dùng dạy học :* Laptop có cài phần mềm Teams 365, MTBT,...

 ***2.Chuẩn bị của trò:***

 - Ôn tập nội dung cách giải phương trình phương trình bậc hai, trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương trình tích..

 - Dụng cụ học tập : Máy tính, điện thoại cài phần mềm Teams 365, bài tập GV đã cho về nhà, MTBT.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**A. Hoạt động khởi động: HS làm bài tập:**

GV Kiểm tra đề cương ôn tập của HS

**B. Hoạt động hình thành kiến thức**

| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Nội dung ghi bảng** |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết** Gv phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS làm bài cá nhân trong 6 phút**Câu 1**. Cho hàm số y = - 2x2 . Kết luận nào sau đây là đúng:1. Hàm số trên luôn đồng biến.
2. Hàm số trên luôn nghịch biến.
3. Hàm số trên đồng biến khi x > 0, nghịch biến khi x < 0.
4. Hàm số trên đồng biến khi x < 0, nghịch biến khi x > 0.

**Câu 2**. Điểm A(-1; -2) thuộc đồ thị hàm số y = mx2 khi m bằng : A. 2 B. - 2 C. 4 D. - 4**Câu 3**. Hệ số b’ của pt: x2 - 2(2m - 1)x + 2m = 0 là : A. m - 1 B. - 2m C. - (2m - 1) D. 2m -1**Câu 4**. Số nào sau đây là một nghiệm của phương trình: 2x2 - 9x + 7 = 0 A. B. - 1 C. 3,5 D. - 3,5**Câu 5.** Phương trình 3x2 - 4x - 3 = 0 có Ä ’ bằng : A. 25 B. 40 C. 52 D. 13**Câu 6**. Nếu x1 ; x2 là hai nghiệm của phương trình : 2x2 - mx - 3 = 0 thì x1 + x2 là: A. B. - C. D. **Câu 7**. Phương trình x2 - ax - 1 = 0 có tích hai nghiệm là: A. -1 B. a C. 1 D. - 2.**Câu 8**. Phương trình x2 -x - m = 0 có hai nghiệm trái dấu khi: A. m < 2 B. m > 2 C. m > 0 D. m > - 2Gv tổ chức cho HS chấm chéo (mỗi câu 1,25 đ)*Đáp án:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | D | B | C | C | B | D | A | C |

Gv tổ chức chữa các câu TN ở trên, qua đó nhắc lại kiến thức cơ bản Gv chốt lại kiến thức trọng tâm của chương: Gồm 3 chủ đề chính:+ Hàm số y = ax2+ Phương trình bậc hai+ Hệ thức Vi-et và ứng dụngGV nêu các dạng bài tập cơ bản của chương (trong tiết 64 chỉ chữa được 3 dạng:1;2;3)- Dạng 1: Vẽ đồ thị của hàm số. Tìm giao điểm của đường thẳng và đường cong- Dạng 2: Giải PT bậc hai và đưa về bậc hai- Dạng 3: Hệ thức Viet và ứng dụng - Dạng 4: Giải bài toán bằng cách lập pt |
| **C. Hoạt động luyện tập** |
| *Dạng 1: vẽ đồ thị hàm số* Cho hai hàm sốy = x2  (P)y = x+2 (d)a/ Vẽ đồ thị hai hàm số trên cùng một mặt phẳng tọa độb/ Tìm tọa độ giao điểm bằng phép tínhGv yêu cầu HS nêu lại cách vẽ đồ thị h/s bậc nhất, bậc hai? Tìm tọa độ giao điểm như thế nào?Gọi 2 HS lên bảng làmGv tổ chức cho HS nhận xét Gv chốt lại phương pháp làm | HS đọc đề bài và xác định cách làmHS nhắc lại cách vẽ2 HS lên bảng (mỗi em một phần)a/ Vẽ b/ xét PT hoành độ x2 = x + 2Có a-b+c = 0 nên pt có hai nghiệm:; => ; . Vậy tọa độ giao điểm của (P) và (d) là A(-1;1) và B(2; 4) | **Dạng 1: Vẽ đồ thị hàm số**a) b) xét PT hoành độ x2 = x + 2Có a-b+c = 0 nên pt có hai nghiệm:; => ; . Vậy tọa độ giao điểm của (P) và (d) là A(-1;1) và B(2; 4) |
| *Dạng 2: Giải PT* Bài 56(a); 57(d); 58(a)Gv yêu cầu mỗi dãy làm một phần Gv đi kiểm tra các nhóm làm việcSau 4-5 phút, Gv gọi 3 HS đại diện các nhóm lên bảng trình bàyTổ chức cho HS nhận xét sửa saiGv chốt lại cách giải từng loại PT (đưa về bậc hai) | HS làm việc theo nhóm(Mỗi dãy làm một phần)Đại diện 3 HS lên bảng | **Dạng 2: Giải PT** Bài 56(a); 57(d); 58(a)Bài 56a/ 3x4 -12x2 +9 = 0Đặt x2 = t > 0 PT trở thành 3t2-12t +9 = 0Có a+b+c = 0 nên pt có hai nghiệm: Vậy Pt ban đầu có 4 nghiệm; Bài 57d/ Đk: Quy đồng, khử mẫu, được PT 6x2-13x-5=0 => (t/m) (loại)Bài 58a/ PT có 3 nghiệm: |
| *Dạng 3: Hệ thức Vi.et và ứng dụng*? Với giá trị nào của m thì PT có nghiệm?? PT (1) có nghiệm khi nào ? ? Tính tổng các bình phương hai nghiệm của PT ntn ? Gv yêu cầu HS làm cá nhân sau đó hai HS lên bảng làmGv chốt lại: - Đối với PT bậc hai chứa tham số cần kiểm tra hệ số a - Khi sử dụng ĐL Viet nhất thiết cần phải có đk  | HS đọc đề bài và suy nghĩ cách làmHS Pt(1) là pt bậc hai, có nghiệm nếu  nên PT đã cho có nghiệm với mọi giá trị của m- HS vận dụng hệ thức Vi-et viết tổng, tích các nghiệm theo m | **Dạng 3: Hệ thức Vi.et và ứng dụng**Bài 62/SGK.64 (1)*Giải:*Pt(1) là pt bậc hai, có nghiệm nếu  nên PT đã cho có nghiệm với mọi giá trị của mb/  = =  |

**D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

1. Học thuộc kiến thức lý thuyết và cách làm các dạng bài tập .

 2. Xem và làm các bài tập còn lại (SGK/63; 64)

 3. Chuẩn bị kiểm tra cuối chương

Gv hướng dẫn HS bài 64; 65 (giải bài toán bằng cách lập PT)

**Bài 64:** Gọi số dương cần tìm là x, thì pt mà bạn Quân đã làm là x(x-2) = 120.

Giải pt tìm ra x = 12, từ đó trả lời

**Bài 65:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | v (km/h) | S (km) | t (h) |
| Xe lửa thứ nhất (từ HN) | x | 450 km |  |
| Xe lửa thứ hai (từ Bình Sơn) | x+5 | 450 km |  |

**IV. PHỤ LỤC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày | 27/04/2023 |
| 15/04/2023 | Tiết | 2 |
| Lớp | 9D |

**ÔN TẬP CUỐI NĂM**

 ***Tuần 33 - Tiết 66:***

**I. MỤC TIÊU**

***1- Kiến thức, kĩ năng:*** Sau khi học xong bài này, học sinh:

***a. Kiến thức:***

Củng cố lại kiến thức về căn bậc 2, căn bậc 3; các kiến thức liên quan đến hàm số bậc nhất

***b. Kĩ năng:***

HS được rèn kĩ năng về rút gọn, biến đổi biểu thức, tính giá trị biểu thức, xác định hàm số bậc nhất. HS vận dụng kiến thức làm được các dạng bài tập cơ bản

***2- Định hướng phát triển phẩn chất và năng lực học sinh:***

***a. Các phẩm chất:***

- Trung thực, tự trọng, chí công vô tư

- Tự lập, tự tin, tự chủ và có tinh thần vượt khó

- Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học, năng lực tư duy linh hoạt, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực thu thập, chế biến thông tin toán học

- Năng lực lưu trữ thông tin toán học

- Năng lực vận dụng toán học vào giải quyết vấn đề

**II. CHUẨN BỊ :**

 ***1. Chuẩn bị của thầy:***

 *- Đồ dùng dạy học :* Laptop có cài phần mềm Teams 365, MTBT,...

 ***2.Chuẩn bị của trò:***

 - HS ôn lại các kiến thức cơ bản của chương 1, và 2

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**A. Hoạt động khởi động: HS làm bài tập:**

GV Kiểm tra đề cương ôn tập của HS

**B. Hoạt động hình thành kiến thức**

**C. Hoạt động ôn tập**

| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Nội dung ghi bảng** |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Ôn lí thuyết qua bài tập trắc nghiệm**  |
| Gv tổ chức cho HS làm các bài tập TN trong SGK1; 3; 4Bài 1/tr131Chọn câu trả lời đúng GV chốt lại : Không viết 10, Mà viết 10 và --10rồi sau đó khai căn như trên Bài 3/tr132Giá trị của biểu thức bằng bao nhiêu ?(A) (B) (C) 1 (D) Bài 4/tr132Nếu = 3 thì x bằng bao nhiêu ? Để tìm x ta làm ntn . | HS đọc đề bàiHS trả lời : Mệnh đề I và IV sai HS sửa lại10 và --10HS Nhân cả tử và mẫu với \*1 HS lên bảng làm : Kết quả là . Chọn đáp án DHS : Bình phương 2 vế ta có :. Đáp án D | ***I, Bài tập tự luận***Bài 1-sgk-131Mệnh đề I và IV saiBài 3-sgk-131 = Chọn DBài 4-sgk-132(ĐK: )Đáp án D |
| **Hoạt động 2: Bài tập luyện tập dạng tự luận(30 phút)** |
| BÀI 2/131.SGKRút gọn biểu thức M = N = Gv chốt lại phương pháp và chú ý cho HS hằng đẳng thức -Gv cho HS đọc đề bài? giá trị của biểu thức không phụ thuộc vào biến tức là cần c/m gì - Dành thời gian thích hợp cho HS tự làm cá nhân- Gọi một HS lên bảng Gv chốt lại pp làm dạng bài chứng minhBÀI 6.SGK.132- Gv cho HS đọc đề bàiGV yêu cầu HS hoạt động nhóm (Các nhóm chẵn làm câu a, các nhóm lẻ làm câu b)GV chữa và nhận xét bài làm các nhómGv chốt lại phương pháp làm dạng bài xác định hàm số | 2 HS lên bảng trình bày M =  = -3Nên N = (do N>0)HS định hướng cách làm: Cần rút gọn biểu thức và kết quả không còn chứa biến=> ta có đpcmMột HS lên bảng làm; cả lớp cùng làm- HS đọc đề, xác định yêu cầu- HS hoạt động nhóm HS đổi chéo bài của nhóm và nhận xét chéo | ***II, Bài tập tự luận***BÀI 2/131.SGKRút gọn biểu thức M = N = M =  = -3BÀI 5/132.SGKCMR giá trị của biểu thức sau không phụ thuộc vào biếnĐK: x>0; x1 == BÀI 6.SGK.132Cho hàm số y = ax + b . Tìm a và b, biết rằng đồ thị hàm số thoả mãn 1 trong các điều kiện sau :a) Đi qua điểm A(1;3) và B(-1;-1)b)Song song với đường thẳng y = x + 5 và đi qua điểm C(1;2)Giải: a) Vì đồ thị hàm số đi qua điểm A(1;3) và B(-1;-1)nên Vậy h/s cần tìm là y=2x+1b) Vì đồ thị hàm số song song với đường thẳng y = x + 5 và đi qua điểm C(1;2) nên ta có :a = 1 và b = 2 - 1 =1.Vậy h/s cần tìm là y=x+1 |

**C. Hoạt động vận dụng**

? Hai đường thẳng y = ax + b (d) và y = (. Khi nào thì :

 a. (d) trùng với (

 b. (d) cắt (

 c. (d) song song với (

Gv tổng hợp câu trả lời của HS và chốt lại kiến thức về vị trí tương đối của hai đường thẳng

**D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Xem lại nội dung ôn tập tiết 67 , làm bài tập 7, 9, 10,11,12/ tr132-133

\*Bài 11:Gọi số sách ở giá thứ nhất là x , ở giá thứ 2 là y (x, y nguyên dương )

 Ta có hệ PT:

Giải hệ PT : kq x =300 , y = 150

**IV. PHỤ LỤC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn15-04-2022 | Dạy | Ngày | 27/04/2023 |
| Tiết | 3 |
| Lớp | 9D |

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**ÔN TẬP CUỐI NĂM (tt)**

 ***Tuần 34 - Tiết 67:***

**I. MỤC TIÊU**

***1- Kiến thức, kĩ năng:*** Sau khi học xong bài này, học sinh:

***a. Kiến thức:***

Củng cố lại kiến thức về hàm số bậc 2, các kiến thức liên quan đến hàm số bậc 2 một ẩn, hệ 2 PT bậc nhất hai ẩn.

***b. Kĩ năng:***

HS được rèn kĩ năng về hàm số, pt bậc 2,...

HS vận dụng kiến thức làm được các dạng bài tập cơ bản

***2- Định hướng phát triển phẩn chất và năng lực học sinh:***

***a. Các phẩm chất:***

- Trung thực, tự trọng, chí công vô tư

- Tự lập, tự tin, tự chủ và có tinh thần vượt khó

- Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước

***b. Các năng lực chung:***

- Năng lực tự học, năng lực tư duy linh hoạt, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán.

***c. Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực thu thập, chế biến thông tin toán học

- Năng lực lưu trữ thông tin toán học

- Năng lực vận dụng toán học vào giải quyết vấn đề

**II. CHUẨN BỊ :**

 ***1. Chuẩn bị của thầy:***

 *- Đồ dùng dạy học :* Laptop có cài phần mềm Teams 365, MTBT,...

 ***2.Chuẩn bị của trò:***

 - HS ôn lại các kiến thức cơ bản của chương 1, và 2

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**A. Hoạt động khởi động: HS làm bài tập:**

Gv phát phiếu học tập:

**Câu 1**. Hệ phương trình có nghiệm là:

A. (2; 3) B. (3; 2) C. (0; 0,5) D. (0,5; 0)

**Câu 2**. Hệ phương trình nào sau đây vô nghiệm:

A. B. C. D.

**Câu 3**. Điểm A(-1; -2) thuộc đồ thị hàm số y = mx2 khi m bằng :

 A. 2 B. - 2 C. 4 D. - 4

**Câu 4** Phương trình 3x2 - 4x - 5 = 0 có Ä’ bằng :

 A. 24 B. 19 C. - 16 D. 21

**Câu 5**. Phương trình mx2 - 2x- 1 = 0 (m ≠ 0) có nghiệm khi và chỉ khi :

 A. m ≥ -1 B. m = - 1 C. m < -1 D. m ≤ - 1

**Câu 6** Một nghiệm của phương trình x2 + 10x + 9 = 0 là:

 A. - 1 B. 9 C. - 9 D. 1/9.

**Câu 7**Tổng hai nghiệm của phương trình x2 + x - 2 = 0 là:

 A. 1 B. - 1 C. 2 D. - 2

**Câu 8** Tích hai nghiệm của pt: 3x2 - mx - 5 = 0 là:

 A. B. C. D.

Đáp án:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Câu* | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| *Đáp án* | A | C | B | B | A | A | B | C |

- Gv đưa ra đáp án

-Gv tổ chức cho HS chấm chéo (mỗi câu 1,25đ). Qua đó Gv tổng hợp kiến thức 2 chương 3 và 4

-Gv nhắc lại nội dung đã ôn ở tiết trước. Tiết học hôm nay sẽ ôn 2 dạng bài tập cơ bản của chương III và chương IV

**B. Hoạt động hình thành kiến thức**

**C. Hoạt động ôn tập**

| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Nội dung ghi bảng** |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1 : Luyện tập giải hệ phương trình (18 phút)** |
| **Bài 9-Sgk-133**Giải hpta) Gv gợi ý bài a) cần xét hai trường hợp y > 0 và y < 0- Tổ chức cho HS làm bài theo nhóm Gv kiểm tra các nhóm, hỗ trợ các HS yếuGv chốt lại pp giảib)Gv hướng dẫn HS đặt ẩn phụ để đưa về hệ PT bậc nhất hai ẩn-Tổ chức cho HS làm bài cá nhân- Gọi một HS lên bảng trình bày-Gv tổ chức chữa và nhận xétGv Khắc sâu các pp giải hệ PT | HS đọc đề bài-Chia hai trường hợp: HS đọc hpt khi chia TH1; TH2- Các nhóm chẵn làm câu a; các nhóm lẻ làm câu b- Đại diện hai HS lên bảng trình bày HS nhận xét bổ sungHS nêu cách làm: ĐK: Đặt =a; = bMột HS lên bảng trình bày-HS nhận xét chữa bài | **Bài 9-Sgk-133:** Giải hpta) TH1: Nếu y>0 thì Nên ta có hệ pt: (t/m).Vậy hpt có nghiệm (2; 3)TH2: Nếu y<0 thì Nên ta có hệ pt: (t/m y < 0).Vậy hpt có nghiệm b) ĐK: Đặt =a; = bHệ PT đã cho trở thành  => Vậy hệ pt đã cho có nghiệm duy nhất  |
| **Hoạt động 2: Luyện tập phương trình bậc hai (15 phút)** |
| **Bài 1(Bài 13/ SBT.150)***Cho PT x2 - 2x + m = 0 (1)**Với giá trị nào của m thì PT(1):**a) Có nghiệm ?**b) Có 2 nghiệm dương ?**c) Có 2 nghiệm trái dấu ?*GV yêu cầu HS hoạt động nhóm nêu hướng làmGV kiểm tra bài làm của từng nhóm - Tổ chức cho HS làm, nhận xét, chữa - Gv chốt lại kiến thức sử dụng (ĐK có nghiệm của pt bậc hai, ĐL Vi-ét)**Bài 2:** Cho PT *x2 - 2(m-1)x + 2m - 3 = 0 (1)**a) Chứng tỏ rằng PT luôn có nghiệm với mọi m?**b) Tìm giá trị của m để (1) có 2 nghiệm trái dấu**c) Tìm giá trị của m để (1) có 2 nghiệm sao cho nghiệm này gấp đôi nghiệm kia* Gv tổ chức cho HS làm bài cá nhân- Gọi HS lên bảng làm các phần a, b- Yêu cầu HS ở dưới đổi bài kiểm tra chéo? Tìm giá trị của m để (1) có 2 nghiệm sao cho nghiệm này gấp đôi nghiệm kia ntn?GV gợi ý phần c: nghiệm này gấp đôi nghiệm kia , có nghĩa là x1 = 2x2  hoặc x2 = 2 x1  | HS đọc đề bàiHS hoạt động nhóm nêu hướng làm- Sau đó HS làm bài cá nhân- Một HS làm câu a- Sau đó hai HS đồng thời làm các câu a, b- HS nhận xét bàiHS đọc đề bài HS làm bài cá nhân2 HS lên bảng trình bày câu a, b HS ở dưới đổi bài kiểm tra chéo- Nhận xét bài của bạn- HS nêu cách làm | **Bài 13/tr150-SBT**Cho PT x2 - 2x + m = 0 (1)Với giá trị nào của m thì PT(1):a) Có nghiệm ?b) Có 2 nghiệm dương ?c) Có 2 nghiệm trái dấu ?***Giải:***a) Vì a=1 nên pt (1) là pt bậc hai. Để (1) có nghiệm thì Ä’ 0=> (-1)2 - m 0 => m < 1b) PT có 2 nghiệm dương nếu Ä0; x1+x2 =S > 0; x1.x2 =P>0=> m < 1; m>0=> 0 < m < 1c) Có 2 nghiệm trái dấu nếux1.x2 = < 0 => m < 0**Bài 2:** Cho PT ***x2 - 2(m-1)x + 2m - 3 = 0 (1)***a) **=** (m-1)2 - 2m + 3  = (m-2)2 =>PT luôn có nghiệm với mọi mb) PT (1) có 2 nghiệm trái dấu 2m -3 < 0 m < c) PT (1) có a + b + c == 1- 2m + 2 + 2m - 3 = 0  x1= 1 ; x2 = 2m - 3TH1: x1 = 2x2  1 = 2(2m - 3) m = TH2: x2 = 2 x1 2m - 3 = 2.1 m = Vậy với m = ; m = thì (1) có 2 nghiệm sao cho nghiệm này gấp đôi nghiệm kia  |

**C. Hoạt động vận dụng**

? Phát biểu định lý Vi ét , cách tính nhẩm nghiệm của PT bậc 2.

? Khi nào thì PT ax2+bx +c =0 có nghiệm, có 2 nghiệm phân biệt, có nghiệm kép, vô nghiệm

? Nếu có 2 số x1 , x2 mà x1 + x2 = S , x1 . x2 = P thì x1 ; x2 là nghiệm của PT nào?

**D. Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Xem lại nội dung ôn tập trên. Làm bài tập 15; 16; 17;18/ tr133-134SGK

HD Bài 18: Gọi độ dài của cạnh góc vuông ngắn của tam giác vuông đó là là x (x > 0)

Thì cạnh kia là x+2 cm. Ta có pt x2 + (x+2)2 = 102

**IV. PHỤ LỤC**